

Số: 81/QĐ-MNNH

Nam Hoa Lư, ngày 03 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai Kế hoạch thu – chi các khoản thu dịch vụ phục vụ,
hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NINH HẢI

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GDĐT về thực hiện QCDC trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập trong nhà trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Văn bản số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026.

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Hướng dẫn số 378/SGDĐT-TC ngày 08/01/2026 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 30/2025/NQHĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Hướng dẫn số 75/UBND-VHXH ngày 13/01/2025 của UBND phường Nam Hoa Lư về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND phường Nam Hoa Lư về việc sáp nhập Trường Mầm non Ninh Hải và Trường Mầm non Ninh Thắng thành Trường Mầm non Ninh Hải.

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán - Trường Mầm non Ninh Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí học kỳ II năm học 2025-2026 của Trường Mầm non Ninh Hải (Có Kế hoạch kèm theo).

Hình thức công khai: Niêm yết tại bảng tin và đăng tải trên trang Website nhà trường.

Điều 2. Căn cứ số liệu ghi tại Điều 1, bộ phận văn phòng có trách nhiệm thực hiện công khai theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Bộ phận văn phòng, phụ trách văn thư thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website đơn vị;
- Lưu: HSCK, VT.



Tạ Thị Thu Hoài

Số: 84/KH-MNNH

Nam Hoa Lu, ngày 03 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2025 của Bộ GDĐT việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026;

Căn cứ Văn bản số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ GDĐT thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Hướng dẫn số 378/SGDĐT-TC ngày 08/01/2026 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 30/2025/NQHĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Hướng dẫn số 75/UBND-VHXH ngày 13/01/2025 của UBND phường Nam Hoa Lu về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND phường Nam Hoa Lu về việc sáp nhập Trường Mầm non Ninh Hải và Trường Mầm non Ninh Thắng thành Trường Mầm non Ninh Hải;

Căn cứ vào nội dung các Hội nghị: Cấp uỷ chi bộ - Ban giám hiệu, Hội đồng sư phạm nhà trường;

Căn cứ biên bản Hội nghị Ban ĐDCMHS trường, Hội nghị cha mẹ học sinh các nhóm, lớp giữa năm học 2025-2026, biên bản thống nhất về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí học kỳ II giữa nhà trường và Ban Đại diện CMHS của Trường Mầm non Ninh Hải và Trường Mầm non Ninh Thắng trước sáp nhập.



Căn cứ phiếu khảo sát ý kiến phụ huynh học sinh Trường Mầm non Ninh Hải (sau sáp nhập) về các khoản thu và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và tình hình thực hiện nhiệm vụ học kỳ II năm học 2025-2026 của nhà trường.

Trường Mầm non Ninh Hải xây dựng kế hoạch thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí học kỳ II năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

I. DỰ KIẾN PHẦN CHI:

Năm học 2025-2026, nhà trường có 27 nhóm, lớp (8 nhóm trẻ và 19 lớp MG).

+ Toàn trường có 80 CBGVNV, trong đó: 62 CBGVNV trong biên chế (06 CBQL, 54 giáo viên, 02 NV kế toán), 03 GVNV hợp đồng 111 (01 giáo viên, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên y tế) và 15 nhân viên hợp đồng trường (11 nhân viên nấu ăn, 04 nhân viên bảo vệ).

Nhà trường dự kiến số trẻ đến trường học kỳ II năm học 2025-2026: 655 trẻ
(Nhà trẻ: 185 trẻ, MG: 470 trẻ).

1. Chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí:

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

1.1. Tiền dịch vụ ăn bán trú

Tổng tiền ăn 20.000đ/trẻ/ngày. Trong đó:

- Tiền ăn: Từ 19.200đ đến 19.400đ/trẻ/ngày. Chi mua lương thực, thực phẩm ăn 2 bữa chính (bữa trưa và chiều), 1 bữa phụ (Sữa). Thực đơn được thay đổi.
- Chất đốt (Khí ga): Từ 500đ đến 800đ/trẻ/ngày (Tùy thuộc vào đơn giá từng thời điểm).

1.2. Nước uống

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học nêu rõ “Trường học cung cấp đủ nước uống cho học sinh, tối thiểu 0,5 lít về mùa hè, 0,3 lít về mùa đông cho một học sinh trong một buổi học”.

Học kỳ II năm học 2025-2026 nhà trường dự kiến 655 trẻ ra lớp, vì vậy:

- Mùa hè: + Mỗi 01 ngày trẻ cần: 0,56 lít nước/trẻ
+ 01 tháng trẻ cần: 0,56 lít nước x 21 ngày = 11,76 lít/tháng/trẻ
+ 03 tháng hè trẻ cần: 11,76 lít/tháng/trẻ x 3 tháng = 35,28 lít/trẻ
- Mùa đông: + Mỗi 01 ngày trẻ cần: 0,3 lít nước/trẻ
+ 01 tháng trẻ cần: 0,3 lít nước x 21 ngày = 6,3 lít/tháng/trẻ

+ 2 tháng đông trẻ cần: 6,3 lít/tháng/trẻ x 2 tháng = 12,6 lít/năm/trẻ

- Trong học kỳ II trẻ toàn trường cần dùng:

(35,28 lít mùa hè + 12,6 lít nước mùa đông) * 655 trẻ = 31.361,4 lít/học kỳ II.

- Chi 01 lít nước/01 trẻ: 1.580đ/lít

- Bình quân 1 tháng/1 trẻ cần dùng: 9,576 lít nước (làm tròn 9,5 lít nước)

* Dự kiến thu:

- 9,5 lít nước/trẻ/tháng x 1.580đ/lít = 15.010đ/tháng/trẻ (làm tròn 15.000đ)

Như vậy giá tính cho mỗi học sinh 15.000đ/tháng (*thu theo số tháng thực học*)

Dự kiến tổng thu: 15.000đ/trẻ/tháng x 655 trẻ x 5 tháng = 49.125.000đ

* Dự kiến tổng chi: 49.125.000đ.

Nhà trường duy trì hợp đồng nước uống từ đầu năm học của Trường Mầm non Ninh Thăng và Trường Mầm non Ninh Hải (trước sáp nhập) với các công ty đang cung cấp dịch vụ cấp nước uống cho học sinh qua hệ thống máy lọc nước trực tiếp tại trường, đảm bảo có cả nước nguội và ấm cho trẻ uống. Có Phụ lục điều chỉnh hợp đồng và hóa đơn của công ty kèm theo.

Như vậy tiền nước uống bình quân là: 15.000đ/trẻ/tháng

1.4. Tiền dịch vụ đồ dùng bán trú

Tồn học kỳ I của Trường MN Ninh Thăng (trước sáp nhập) chuyển sang: 2.381.186đ

TT	Tên đồ dùng	ĐVT	SL	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Nước rửa bát Sunlight	Can	24	95.000	2.185.000
2	Bôi rửa bát	Cái	21	5.000	105.000
3	Cọ nồi	Cái	7	13.000	91.000
Tổng cộng					2.381.000

1.5. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh

- Mua đồ dùng phục vụ cho công tác vệ sinh hàng ngày tại 27 nhóm, lớp và vệ sinh môi trường. Dự kiến cụ thể:

S TT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Giấy vệ sinh	Bịch	153	50.000	7.650.000
2	Chổi đót	Cái	31	45.000	1.395.000
3	Xà phòng giặt Omo (1,2kg)	Kg	27	65.000	1.755.000
4	Nước rửa bát Sunlight	Can	17	95.000	1.615.000
5	Nước lau sàn (1l)	Can	114	35.000	3.990.000
6	Nước tẩy bồn cầu vim 880ml	Chai	90	38.000	3.420.000



7	Xà phòng bánh Lifebuoy 90 gr	Bánh	156	16.000	2.496.000
8	Nước rửa tay Lifebuoy 180 gr	Chai	111	38.000	4.218.000
9	Khăn mặt	Cái	29	10.000	290.000
10	Găng tay cao su	Đôi	36	26.000	936.000
11	Túi ni lông đựng rác (5kg)	Kg	133	36.000	4.788.000
16	Chổi quét sân trường	Cái	10	35.000	350.000
Tổng cộng					32.903.000

- Tổng dự kiến chi là: 32.903.000đ

- Học kỳ II dự kiến có 655 trẻ ra lớp.

+ Dự kiến thu: 10.000đ/trẻ/tháng (thu tháng 01, 02, 03, 04, 05/2026)

10.000đ/trẻ/tháng x 655 trẻ x 5 tháng = 32.750.000đ

+ Tồn học kỳ I chuyển sang: 125.416 đ (Trường MN Ninh Thắng)

28.000 đ (Trường MN Ninh Hải)

153.416 đ

- Cân đối: 32.750.000đ (thu) + 153.416đ (tồn) – 32.903.000 (chi) = 416đ (dư).

Như vậy mức thu tiền dịch vụ VS trường, lớp, khu vệ sinh: 10.000đ/trẻ/tháng

1.5. Dịch vụ nấu ăn:

- Thuê người nấu ăn: Nhà trường dự kiến trả lương nhân viên hợp đồng nấu ăn tháng 02, 3, 4, 5 năm 2026 như sau:

Theo Thông tư Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, nhà trường hợp đồng 11 nhân viên nấu ăn.

Trong đó: 11 cô x 5.900.000đ/tháng x 1 tháng = 64.900.000đ

Tổng kinh phí chi trả lương nhân viên nấu ăn tháng 02, 3, 4, 5 năm 2026 là:
64.900.000 x 4 tháng = 259.600.000đ.

Tổng kinh phí cần thu: 259.600.000đ.

- Học kỳ II năm học 2025-2026 nhà trường dự kiến 622 trẻ ăn bán trú tại lớp:

Dự kiến thu: 104.000đ/trẻ/tháng x 622 trẻ x 4 tháng = 258.752.000đ

Tồn tháng 01/2026 chuyển sang: 830.000đ (Trường MN Ninh Thắng) +
84.000đ (Trường MN Ninh Hải) = 914.000đ

Tổng thu: 258.752.000đ (thu) + 914.000đ (tồn) = 259.666.000đ

- Cân đối: Thu 259.666.000đ – chi 259.600.000đ = 66.000 (dư)

(Cuối kỳ căn cứ vào tình hình thực tế nếu còn dư chi hết cho nhân viên nấu ăn)

Như vậy mức thu tiền dịch vụ bán trú: 104.000đ/trẻ/tháng

1.6. Dịch vụ quản bán trú:

Tính thời gian thu từ tháng 01 đến tháng 5/2026.

Tỷ lệ chuyên cần trẻ ăn bán trú tại lớp dự kiến là 577 trẻ/ngày.

- Dự kiến chi: 70.000đ/người/ca trực x 33 người/ca trực = 2.310.000đ/ca trực.

Dự kiến học kỳ II (từ tháng 01 đến tháng 5/2026) có 97 ca trực trưa.

Dự kiến tổng chi: 97 ca trực x 2.310.000đ/ca trực = 224.070.000đ/học kỳ II

Cụ thể:

+ Tháng 01/2026: 2.310.000đ/ca trực x 21 ca trực = 48.510.000đ/tháng

+ Tháng 02/2026: 2.310.000đ/ca x 15 ca trực = 34.650.000đ/tháng

+ Tháng 03/2026: 2.310.000đ/ca trực x 22 ca trực = 50.820.000đ/tháng

+ Tháng 04/2026: 2.310.000đ/ca trực x 20 ca trực = 46.200.000đ/tháng

+ Tháng 05/2026: 2.310.000đ/ca trực x 19 ca trực = 43.890.000đ/tháng

- Dự kiến thu: 4.000đ/trẻ/buổi x 576 trẻ/ngày x 97 buổi trưa = 223.876.000đ

Tồn học kỳ I chuyển sang: 240.000 đ (MN Ninh Thắng).

248.000 đ (MN Ninh Hải)

488.000 đ

223.876.000đ (thu) + 488.000đ (tồn) = 224.364.000đ

- Cân đối: Thu 224.364.000đ – chi 224.070.000đ = 294.000 (dư)

(Cuối kỳ căn cứ vào tình hình thực tế nếu còn dư chi hết cho người trực)

Như vậy mức thu tiền dịch vụ quản lý bán trú: 4.000đ/trẻ/buổi trưa (thu theo số trẻ ngủ trưa thực tế tại trường)

Ghi chú: Tiền công của nhân viên nấu ăn được chi trả theo tháng, chi vào cuối tháng (từ ngày 25-30); tiền trực trưa của CBGVNV sẽ được thanh toán vào cuối học kỳ, số tiền thu được tăng hoặc giảm, nhà trường sẽ điều chỉnh mức chi vào tháng cuối học kỳ II (tháng 5/2026) cho CBGVNV.

2. Thu khác

2.1. Vận động tài trợ:

Hiện tại, nhà trường chưa có kế hoạch huy động nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân, các mạnh thường quân ủng hộ, tài trợ cho nhà trường.

II. PHẦN THU:

- Dự kiến số trẻ đến trường: 655 trẻ, trong đó: 185 trẻ Nhà trẻ, 470 trẻ Mẫu giáo.

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí học kỳ II:

1.1. Dịch vụ ăn bán trú: 20.000đ/trẻ/ngày

1.2. Dịch vụ nước uống: 15.000đ/trẻ/tháng

1.3. Vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh: 10.000đ/trẻ/tháng

1.4. Dịch vụ nấu ăn: 104.000đ/trẻ/tháng

1.5. Dịch vụ quản lý bán trú: 4.000đ/trẻ/buổi trưa

Tiền công của nhân viên nấu ăn được chi trả theo tháng, chi vào cuối tháng (từ ngày 25-30); tiền trực trưa của CBGVNV sẽ được thanh toán vào cuối học kỳ, số tiền thu được tăng hoặc giảm, nhà trường sẽ điều chỉnh mức chi vào tháng cuối học kỳ II (tháng 5/2026) cho CBGVNV để đảm bảo thu đủ bù chi.

Ghi chú:

+ Đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí như: Dịch vụ ăn bán trú, dịch vụ quản lý bán trú, dịch vụ nấu ăn chỉ áp dụng thu đối với trẻ ăn bán trú tại trường (trẻ không ăn bán trú, nhà trường không thu các khoản này).

+ Các khoản thu theo tháng: Nếu gia đình nào có nguyện vọng nộp theo kỳ hoặc cả năm thì nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình.

2. Kinh phí hoạt động của ban ĐDCMHS

- Kinh phí hoạt động của Ban Đại diện CMHS (nếu có): Tự thu và tự chi cho hoạt động của Ban Đại diện CMHS.

Trên đây là kế hoạch thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại trường học kỳ II năm học 2025-2026./.

Nơi nhận:

- ĐU, HĐND, UBND phường Nam Hoa Lư (b/c);
- CBGVNV trong nhà trường (t/h);
- Ban ĐDCMHS nhà trường, các nhóm, lớp (t/h);
- Lưu: HSTC, VT./.



Tạ Thị Thu Hoài